

# Khôì Hải Siêu Thực

lê phụng

Truyện khôì hải là những truyện phồ quát nhất trong những truyện khuyết danh tác giả của người Việt Nam, đồng thời lại là những truyện ít được giới phê bình văn học lưu ý tới. Câu hỏi là truyện khôì hải có phải là một dòng văn học hay không? Làm sao tìm hiểu một truyện khôì hải. Trả lời câu hỏi này, dựa trên hai truyện Trạng Lợn và Trạng Quỳnh, đối chiếu với những truyện cười siêu thực và những truyện *khôì hải đen* là mục tiêu của những đoạn kể tiếp.

Bắt đầu là một vài ý niệm vắn tắt về :

## Phong Trào Siêu Thực

Ở thế kỷ XXI này, chữ *siêu thực* gợi lên nhiều ý niệm dường như khác hẳn nhau: có thể là một điều vượt ra khỏi mức bình thường, một điều cao cả tuyệt vời, lại có thể là những gì phi kết cấu, là thiếu mạch lạc, là không giải thích nổi, cũng như những điều khó có thể tin là có thực được. Với hai chữ siêu thực người ta có thể hình dung ra được hình ảnh đàn cá bơi trên trời, đàn chim bay dưới nước, gà mái đá gà cồ, chó đá đười chó thât v.v... Những hình ảnh đó trái lại là những hình ảnh con người thường gặp trong những giấc mơ, những giấc ác mộng, cũng như trong những tấm tranh, những bức tượng của những trường phái mỹ nghệ trong thời khoảng giữa hai cuộc thế chiến 1914-18 và 1939-45.

Phong trào văn nghệ sĩ siêu thực là một cao trào lan tràn tại nhiều nước Âu, Mỹ và tại cả Á Châu trong những năm từ 1920 tới cuối thập niên 1960. Cao trào này phát xuất từ Paris, Pháp lan sang các nước Tây Âu như Bruxelles tại Bỉ, Copenhagen tại Đan Mạch, Londres tại Anh, Prague tại Tiệp Khắc rồi sang Mexique ở Nam Mỹ và Nhật Bản ở Á Châu, và cả ở Việt Nam với Hàn Mạc Tử và thi đoàn của ông.

Giới nghiên cứu đồng ý là phong trào siêu thực nổi lên để đáp ứng với cuộc khủng hoảng văn hoá tiếp theo thế chiến thứ nhất. Những người lãnh đạo phong trào này chủ chương dùng văn chương và mỹ nghệ để giải toả nạn bế tắc văn hoá bắt nguồn gốc từ cuộc thế chiến thứ nhất. Một số đông những văn nghệ sĩ siêu thực thời đó đã từng là thành viên của phong trào *dada*, một phong trào mang tính *dấy loạn* phát xuất từ Zurich trong thế chiến thứ nhất. Tuy cả hai phong trào *dada* và siêu thực cùng đối kháng với những tập tục văn hoá của giới trường giả tư sản, nhưng đường lối của phái siêu thực không chủ trương *dấy loạn* mà dựa trên một đường lối có lớp

lang đời theo những thành quả của khoa phân tâm học của Freud và ít nhiều mang màu sắc maxit để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa. Nhưng chính bởi sự dung hợp hai chủ thuyết trái ngược nhau như vậy khiến trong hàng ngũ của thành viên siêu thực thường có như vụ nứt rạn hay xét lại.

Chữ siêu thực, *surréalisme* do nhà thơ Guillaume Apollinaire (1880-1918) đưa vào ngôn ngữ Pháp. Ông dùng chữ này để mô tả khả năng truyền cảm tới khán giả một sự thực vượt ra ngoài thực tế của nhạc kịch Parade, của Jean Cocteau, diễn suất năm 1917. Tiếp theo sau đó, André Breton tiếp tục dùng chữ này để chỉ một phong trào văn học và mỹ nghệ, do ông và một nhóm đồng chí chủ xướng.

Ngày nay giới nghiên cứu<sup>1</sup> đồng ý cho André Breton là người sáng lập ra phong trào siêu thực. Trong thế chiến thứ nhất, ông bị gọi nhập ngũ, nhưng không phải ra trận mà phục vụ tạo một bệnh viện tâm thần của quân đội. Nhân dịp đó ông sống giữa những bệnh nhân tâm trí khủng hoảng vì chiến trận, và đồng thời ông nghiên cứu về khoa phân tâm học của Freud. André Breton dùng những kinh nghiệm này để tạo ra nền móng của chủ chương siêu thực. Tuy nhiên, có một điểm khác biệt giữa học thuyết của Freud và chủ thuyết của André Breton là học thuyết Freud đưa tới một phương pháp khoa học để chữa bệnh tâm thần, đấng khác André Breton coi đó là một phương pháp giúp cho con người nhìn nhận ra được những sự thực bị vùi lấp dưới bản ngã hay dưới tập tục xã hội.

Sau thế chiến thứ nhất, năm 1919, André Breton cùng Philippe Soupault và Louis Aragon chủ biên tạp chí *Littérature* trong năm năm (1919-1924) thu hút được sự chú ý của các tác giả và nghệ sĩ trẻ tuổi đương thời. Ông đề ra cùng Philippe Soupault một cách sáng tác mới mang tên là *l'écriture automatique*. Năm 1924 André Breton xuất bản tập *Premier Manifeste du Surréalisme*. Trong đó ông xác định lập trường của phong trào siêu thực là ước vọng, biểu lộ, bằng văn học hay mỹ nghệ, lẽ lối hoạt động của tâm thần con người, ở ngoài mọi kiểm soát của lý luận, cũng như của mọi quan niệm thẩm mỹ cùng luân lý. Nhưng chỉ trong vòng nửa năm sau, André Breton đã đưa ra nhiều điểm mới để tu chỉnh lập luận này. Chủ chương của André Breton thu hút được sự tham dự đông đảo của nhiều họa sĩ nổi danh như Salvador Dalí, René Magritte, cùng nhiều nhà nhiếp ảnh danh tiếng như Man Ray cũng như trong kịch nghệ và phim ảnh. Chừng mười năm sau thế chiến thứ hai, tiếp theo phong trào hiện sinh của Jean Paul Sartre,

<sup>1</sup> Mike O'Mahony, in *Les Surrealistes* par Tim Martin, Parragon, Bath, Royaume-Unie, 2004

và cuộc đấu tranh của sinh viên mùa xuân năm 1968, phong trào siêu thực chính thức cáo chung.

Theo giới nghiên cứu<sup>2</sup> phong trào siêu thực, kỹ thuật của những người lãnh đạo phong trào siêu thực nhằm đã phá nhưng sự tiện những phi lý của đời sống gồm bốn điểm kể sau :

1. nét khôi hài,
2. nét huyền diệu,
3. giấc mơ
4. điên loạn

Trong giới hạn của cáo luận này, để tìm hiểu nét siêu thực trong truyện các Ông Trạng Đại Chúng cùng truyện Ba Giai Tú Xuất, người đọc chỉ cần xét tới nét giấc mơ và nét khôi hài hiện thực, hay còn gọi là nét *khôi hài đen*, l'humour noir.

### **Giấc mơ**

Đi trước phong trào siêu thực, nhà thơ Gérard de Nerval (1808-1855) biểu thị, qua toàn bộ thi phẩm của ông, là giấc mơ bao gồm một thực thể chẳng khác gì thực thể khi con người tỉnh táo. Theo nhà thơ này, giấc mơ giúp con người ta đào sâu vào bản ngã cũng như giúp tri thức con người thăng tiến tới cõi cao xa hơn.

Người trong phong trào siêu thực tin tưởng rằng, khi không bị ràng buộc, con người bỗng bay trong một cõi huyền hoặc, trong một không khí siêu nhiên với muôn vật mang sắc thái mới lạ dưới màu sắc của mơ tưởng. Chỉ cần nhắm đôi mắt, con người đã dường như chuyển biến vào một thế giới ảo tưởng đầy những hình ảnh, những kỷ niệm không theo bất kỳ mọi lý luận thông thường. Với giới phân tâm học, thế giới đó tiêu biểu cho những ước vọng của vô thức, những xu hướng thâm kín của con người. Hiểu nổi vô thức con người mới hiểu nổi được tri thức cao cả của con người, họa sĩ Salvador Dali viết trong *La Femme Visible* :

Le jour, nous cherchons inconsciemment les images perdues des rêves, et c'est pourquoi, quand nous trouvons une image de rêve, nous croyons déjà la connaitre et nous disons que seulement la voir nous faire rêver.

Trong giấc mơ mọi sự việc đều dễ dàng, mọi sự việc đều như tự nhiên thành, mỗi lo sợ thành bại tiêu tan. Trong mơ, mọi sự việc, đâu là những sự việc lạ lùng nhất, người mơ, không bị gò bó trong cái lý luận khi tỉnh, nên cũng chẳng thấy ngại ngần dần thân. Trong

mơ đời sống đẹp hơn cả mọi bài thơ, vì đời sống trong mơ là đời sống của riêng người mơ. Chỉ những lúc con người thiếu vững tin ở mình mới thấy mình trong mơ còn tỉnh hay ngỡ mình lúc tỉnh đang mơ. Trong mơ biết mình đang mơ cũng như biết mình đang tỉnh khi tỉnh, con người có toàn năng để phân biệt quá khứ với hiện tại với tương lai.

Con người siêu thực cho giấc mơ là một phương tiện của nhận thức, nên họ luôn luôn phân tích giấc mơ. Như vậy, mơ không phải là xa xỉ phẩm của trí tuệ mà chính là một hoạt động của trí tuệ. Bởi thế con người siêu thực thường tìm cách sống lại nhưng giấc mơ, tạo cho giấc mơ một tầm quan trọng, chẳng khác gì khi tỉnh, trên mặt tâm linh cũng như trên mặt siêu hình.

### **Khôi hài.**

Chữ khôi hài dịch chữ *humour* nguyên của người Anh. Người Trung Hoa phiên âm là *u mạc*, hay còn dịch là *hoạt kê*. Người có tính khôi hài là người tự tách mình ra khỏi đời sống để quay lại nhìn cảnh đời như một khán giả. Trước mắt người có tính khôi hài, con người trong cuộc sống chẳng khác gì những con múa rối, bị giật dây. Nhìn ra những sợi dây đó, đời sống không còn gì đáng coi là quan trọng, tất cả chỉ còn là một trò cười. Nét khôi hài là cái nhìn của khán giả ngó lên sân khấu. Đó là cái nhìn vào cuộc *hý trường*, như cái nhìn của bà huyện Thanh Quan trong câu :

Tạo hóa gây chi cuộc hý trường

mở đầu bài Thăng Long Hoài Cổ, cũng như cái nhìn câu :

Đã đem vào cuộc hý trường

của Nguyễn Công Trứ trong bài hát nói Đánh Thức Người Đời. Đó cũng là điều Nguyễn khuyến cầu xin trong bài thơ nôm Đại Lão ông viết năm 74 tuổi :

Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa  
Thử xem mãi mãi thế này u.

Giới siêu thực nhấn mạnh trên tính cách khôi hài qua việc bài bác mọi tập tục xã hội, và dẫn tới một cuộc dấy loạn chống lại mọi quy luật có sẵn của đời sống. Theo nhà phân tâm học Freud, tính khôi hài là biến trạng của sự bất tuân, hay sự từ chối không chịu phục tùng lễ thói xã hội : đó chính là cái mặt nạ của sự thất vọng trong cuộc sống.

Nét khôi hài không những biểu thị ý chí không để mình chìm trong những biến cố trong đời sống mà

<sup>2</sup> Yvonne Duplessis, *Le Srealisme*, 18<sup>e</sup> édition, PUF, Paris 2002.

còn cho thấy ý muốn tự giải thoát ra khỏi thực tế chưa đạt đến mức trở thành thân nhiên trãi đá trước mọi sự việc sảy ra trước mắt. Nhiều khi những va đụng với đời sống trở thành nguồn cảm hứng cho người thích khôi hài. André Breton kể lại rằng Freud là tác giả giải thoại dưới đây :

« Một tên tử tù bị dẫn ra pháp trường buổi sáng ngày thứ hai đã reo lên:

1. Thấy chưa ! lại một tuần lễ tốt đẹp bắt đầu. »

Giải thoại này dường như tương tự như gai thoại về đôi câu đối của Cao Bá Quát làm trong ngục tối

Một chiếc cùm lim chân có đế  
Ba vòng xích sắt bước thì vương.

Thế nên nét khôi hài là một thái độ dấy loạn hòa bình, đúng như Marco Ristitch <sup>3</sup> viết trong một bài báo đăng trong *La révolution Surréaliste* :

Sentir la vanité lamentable, l'absurde irréalité de tout, c'est sentir sa propre inutilité, c'est être inutile. Alors, il faut ou bien s'anéantir, ou bien se transformer, se déplacer par une négation substantielle [...] Le Surréalisme va droit à la zone interdite.

[L'humour] est dans son essence, une critique intuitive et implicite du mécanisme mental conventionnel, une force qui extrait un fait ou un ensemble de faits de ce qui est donné comme leur normale, pour les précipiter dans le jeu vertigineux de relations inattendues [...] Par un mélange de réel et de fantastique, hors de toutes les limites de réalisme quotidien et de la logique rationnelle, l'humour, et l'humour seul, donne à ce qui l'entoure une nouveauté grotesque, un caractère hallucinatoire d'inexistence ... et une importance dérisoire, à côté d'un *sur-sens* exceptionnel et éphémère, mais total ...

Nét khôi hài, như mô tả trên đây, là nét chính trong thi ca, hội họa, kịch nghệ, nhiếp ảnh và phim ảnh trong cao trào siêu thực.

Đối với thành viên phong trào siêu thực, tính khôi hài đập vỡ nhưng bộ mặt thông thường của mọi sự việc trong cuộc sống hàng ngày, bằng những điểm bất ngờ là mở ra những chân trời mới, những chân trời mới đó là chân trời siêu thực. Khác với phong trào dada, nhảm đả phá, phong trào siêu thực muốn xây dựng những công trình cụ thể, trong những công trình giàu hình ảnh phóng túng đó, lý luận thông thường nhường chỗ cho trí tưởng tượng. Con người siêu thực buông bỏ lẽ duy lợi để tới gần được cõi diệu huyền tuyệt vời như trong những truyện thần tiên.

<sup>3</sup> xem#2, p. 27

Với người nghệ sĩ siêu thực, nét khôi hài không những đưa họ tới cảnh giới tưởng tượng mà còn tạo cho họ những ý niệm triết học về cuộc sống, một lẽ phải, rộng lớn hơn lẽ phải thông thường, bao trùm hai mặt thực tế và duy mộng của cuộc sống. So với tinh thần khoa học hồi đầu thế kỷ XX, cõi thực dường như cơ học thuần lý, cõi mộng dường như cơ học ba động, cuộc sống dường mang nguyên lý bất chắc, principe d'incertitude, cần có cả hai ngành cơ học mới nhìn ra chuyển động của những vi thể trong mọi điều kiện.

Trở lại văn học, tổng hợp nét khôi hài với giấc mơ, trong mục đích giải thoát con người khỏi những giàng buộc của tập tục xã hội, năm 1939, André Breton xuất bản tập Anthologie de l'Humour Noir <sup>4</sup>.

Tuyển tập này gồm 45 truyện ngắn của 45 tác giả, từ Jonathal Swift (1667-1745) tới Jean Piertre Duprey (1930-1959), trong số đó có nhiều tác giả nổi tiếng như Charles Baudelaire, Frank Kafka, Arthur Rimbaud, Guillaume Appolinaire, Jacques Prévert, Salvador Dali v.v...

Theo giới phê bình văn học Pháp <sup>5</sup>, những truyện ngắn này đều nhằm mục đích đả phá, những điều cấm kỵ thông thường, lật đổ như những uy thế có sẵn, cũng như có khả năng đối kháng với lẽ thói. Trên mặt văn học những truyện ngắn này đặt lại vấn đề giá trị của nghệ thuật cũng như văn học trong đời sống. Nội dung những truyện ngắn này thường là những truyện khôi hài, nhiều khi thâm độc, dữ dằn, nhiều khi như điên cuồng, diễu cợt không từ một ai hay bất kỳ mọi trật tự xã hội; nhiều khi còn có những hình ảnh kinh khủng ma quái.

Vì vậy tập sách bị kiểm duyệt khiến phải chờ đợi 4 năm mới được xuất bản.

Đối chiếu dòng văn học siêu thực dựng trên nét khôi hài và những hình ảnh trong giấc mơ, người đọc truyện thấy có nhiều nét tương đồng với Truyện các ông Trạng Đại Chúng.

Đối chiếu với những truyện trong cuốn Anthologie de l'Humour Noir, người đọc thấy nhiều nét song hành với truyện Truyện Cống Quỳnh.

Đàng khác, kết quả còn cho thấy là Truyện Trạng Lợn là giấc mơ trị quốc bình thiên hạ của những

<sup>4</sup> André Breton, Anthologie de l'Humour Noir, Jean Jacques Pauvert editeur, 1966.

<sup>5</sup> Nicole Chardaire, in André Breton, Anthologie de l'Humour Noir, ib., p. 1-2

người không may mắn vượt được vũ môn để ra phò vua giúp nước lưu danh muôn thủa.

Trên một hướng khác, nếu truyện Trạng Quỳnh là những truyện khôi hài đen, là nở nụ cười siêu thực trong giấc mơ, thì rất tiếc là phần nhiều truyện trong tập Ba Giai Tú Xuất, thiếu tính chất khôi hài đen và dường như chỉ là những thiên phóng sự về tài bịp bợm của Ba Giai Tú Xuất, vì hành động của hai nhân vật này trong truyện dường như nhằm vụ lợi kiếm một bữa ăn, một châu hát, hay chút tiền. Điều đáng tiếc này phải chăng là tại người ghi chép truyện? Đó là một vấn đề mở ra để giới văn bản học giải quyết.

## Giấc Mơ Trong Văn Học Đông Phương

Từ xa xưa, trong văn học đông phương, giấc mơ hằng giữ một vai trò quan trọng. Hai giấc mơ quen thuộc nhất mang tên là giấc mộng Nam Kha, và giấc mộng Hoàng Lương. Giấc Nam Kha do Lý Công Tá, người đời Đường sáng tác trong bài Nam Kha Ký, tóm tắt trong từ Điển Hán Việt của Đào Duy Anh như sau:

Trong giấc ngủ ông mơ thi đỗ cao, được vua nước Hòa An gả công chúa cho, lại được phong làm thái thú quận Nam Kha. Khi tỉnh dậy, ông thấy một tổ kiến dưới gốc cây hòe. Ông cho đó chính là quận Nam Hoa tức tổ kiến ở phía nam cây hòe. Người đời sau nhân thế gọi là giấc Nam Kha.

Giấc Hoàng Lương do Lữ sinh, cũng người đời Đường, kể là :

ông đến quán trọ, nằm đợi chủ quán nấu kê vàng, ngủ quên không biết, mộng thấy lấy vợ, đẻ con sinh cháu, giàu sang vinh hoa, phút tỉnh dậy thấy mình tay không.

Giới nghiên cứu về giấc mộng cho là hai giấc mộng Nam Kha và Hoàng Lương là hai giấc ác mộng hiện thực, vì cảnh trong mơ khác hẳn cảnh khi tỉnh dậy

Ngoài giấc hai mộng trên hiện thực đây, giấc mơ đẹp nhất, không những trong văn học đông phương mà theo giới nghiên cứu, cũng là giấc mơ đẹp nhất của con người là giấc mơ của Trang Châu, tóm tắt như sau <sup>6</sup>:

Xưa Trang Châu chiêm bao thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự thấy thích chí, không còn biết có Châu nữa. Chợt tỉnh giấc, thì lại thấy mình là Châu. Không biết Châu chiêm bao là bướm hay bướm chiêm bao là Châu ?

Giấc mơ của Trang Châu là giấc mơ siêu thực, cảnh khi Trang Châu tỉnh mơ chẳng khác gì cảnh trong mơ của Châu.

Nhìn sang văn Học Việt Nam, giấc mơ hiện thực là giấc mơ mà Nguyễn Công Trứ ghi lại trong bài Kê Sĩ như sau :

### Luận Kê Sĩ

Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt  
Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên  
Có giang sơn thì sĩ đã có tên  
Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý  
Miền hương đảng đã khen là hiếu đễ

<sup>6</sup> Trang Tử Nam Hoa Kinh, bản dịch của Nguyễn duy Cần Tổng, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ, tr. 242

Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường  
Khí hào nhiên chí đại chí cương  
So chính khí đã đầy trong trời đất  
Lúc vị ngộ hồi tàng nơi bông tất  
Hiều hiều nhiên điều Vị canh Sản  
Xe bò luân dầu chưa gặp Thang Văn  
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị  
Cầm chính đạo để tịch tà cự bí  
Hồi cuồng lan nhi chướng bách xuyên  
Ròng mây khi gặp hội ưa duyên  
Đem quách cả sở tồn làm sở dụng  
Trong lãng miếu gia tài lương đồng  
Ngoài biên thủy rạch mũi can tương  
Sĩ làm cho bách thế lưu phương  
Trước là sĩ sau là khanh tướng  
Kinh luân khởi tâm thượng  
Binh giáp tàng hung trung  
Vũ trụ chi gian giai phận sự  
Nam nhi đảo thứ thị hào hùng  
Nhà nước yên mà sĩ cũng thung dung  
Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch  
Năm ba chú tiểu đồng lách thếch  
Tiêu dao nơi hàn cốc thâm sơn  
Nào thơ nào rượu nào địch nào đòn  
Đồ thích chí chất đầy trong một túi  
Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tới  
Gắm việc đời mà ngắm kẻ trợ thanh  
Ngày này sĩ mới hoàn danh.

Nguyễn Công Trứ không ghi ngày tháng ông sáng tác bài thơ dài này. Nhưng nếu tạm công nhận rằng Nguyễn Công Trứ sáng tác bài thơ này ngày ông còn là một hàn sĩ, thời nội dung bài thơ cũng không xa gì giấc mộng Hoàng Lương hay giấc mộng Nam Kha: thi đỗ làm quan, phò vua giúp nước, lưu tiếng thơm muôn thủa, rồi khi về già nhà nước yên bình thì đi ngao du sơn thủy, bước ra ngoài vòng danh lợi, nhìn lại trường đời như một hý trường. Điều khác với Lữ sinh cùng Lý Công Tá là Nguyễn Công Trứ không mơ mà sống thực sự với giấc mơ, với lẽ tu thân, tề gia và trị quốc của nhà nho.

Ngoài nhìn lại giấc mộng kẻ sĩ, Nguyễn Công Trứ mơ và sống trong giấc mơ Ngát Ngưỡng như ông ghi trong bài hát nói:

### Ngát Ngưỡng

宇宙內莫非分事  
Vũ trụ nội mạc phi phận sự  
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng  
Khi thủ khoa khi tham tán khi tổng đốc Đông  
Gồm thọa lược đã nên tay ngát ngưỡng  
Lúc Bình Tây cầm cờ Đại Tướng  
Có khi về Phủ Doãn Thừa Thiên  
都門解組之年  
Đô môn giải tổ tòa chi niên  
Đạc ngựa bò vàng đeo ngát ngưỡng  
Kìa núi nọ phau phau mây trắng

Tay kiếm cung mà nên dáng từ bi  
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi di  
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng  
Được mắt dương dương người thái thượng  
Khen chê phơi phới ngọn đồng phong  
Khi ca khi từ khi các khi tùng  
Không Phật không tiên không vương tục  
Chẳng Hàn Nhạc cũng phường Mai Phúc  
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung  
Đời ai ngất ngưỡng như ông.

Điểm khác biệt đáng lưu ý nhất, giữa bài Luận Kê Sĩ và bài hát nói Ngất Ngưỡng là trong bài Luận Kê Sĩ, Nguyễn Công Trứ dường gìn giữ trọn vẹn nề nếp nhà nho, và trong bài hát nói ông dường như bỏ qua mọi nề nếp, của nhà chùa, của đền thánh cũng như của xã hội ông đang sống, như ông viết trong câu:

Không Phật không tiên không vương tục

Ông cười bỏ như Lão Tử đem theo vài cô đầu lên chùa; ông không coi mình là Hàn Kỳ là Nhạc Phi, những danh thần đời Tống, mà chỉ coi mình là Mai Phúc, danh nho đời Hán, và khi nay, ông đã vẹn *nghĩa* vua tôi.

Phải chăng, từ ngày vượt qua cửa Vũ, thăng trầm trên hoạn lộ trong suốt ba chục năm, với nhiều lần *khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười*, rồi treo án từ quan, vượt qua mọi lễ thói xã hội cùng tôn giáo, Nguyễn Công Trứ đã tìm ra được những giây phút tự do thanh thản cho bản thân ông trong những buổi *ngất ngưỡng*, mà người đời có thể cho là ông *điên*, để hoàn thành giấc mơ của ông?

Có một giấc mơ, như lời Martine Luther King (1929-1968), là một điều quan trọng, nhưng không phải ai ai cũng có một giấc mơ đều có thể thực hiện nổi. Giấc mơ lý tưởng của nhà nho phò vua giúp nước lưu danh muôn thủa hay thực tế hơn là giấc mơ trước là đẹp mặt sau là ấm thân, không phải trong tầm tay với của mọi người. Ba bốn năm mới có một kỳ thi hương, mỗi kỳ thi chỉ có một ông thủ khoa, hay còn gọi là giải nguyên, để làm bước đầu dẫn thân vào hoạn lộ vẻ vang như Nguyễn Công Trứ. Cả hàng ngàn người đi thi chỉ có vài chục người được chấm đậu. Nhiều người, đầu tài cao như Trần Kế Xương, như Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu cũng không qua nổi kỳ thi này.

Nhưng giấc mộng phò vua giúp nước vẫn là giấc mộng, nếu không phải là hiện thực, thời là giấc mộng *siêu thực* để đáp ứng với ước mong của người trai kém may mắn trên đường cử nghiệp. Điển hình cho những giấc mộng siêu thực đó là những truyện những ông Trạng trong dân gian., tiêu biểu là truyện Trạng Lợn.

Truyện Trạng Lợn vốn là truyền miệng trong dân gian, cho tới năm Khải Định thứ IX (1920) Mộng Quế, người tỉnh Nam Định chép thành sách nôm và gần đây sách được phiên âm và Vũ Ngọc Khánh chép lại trong cuốn Kho Tàng Các Ông Trạng Việt Nam, nhà xuất bản Văn Hóa phát hành năm 1995. Mộng Quế đặt thành 19 hồi và coi là một truyện cười. Cấu trúc truyện giống nhiều truyện cổ tích Việt Nam. Tỷ như hồi thứ nhất tả cảnh thiên đình ngày Thiên Hoàng cử Thiên Khôi xuống trần làm vua nước Việt Nam vào đầu triều nhà Lê, cùng sự ra đời của bốn ông Trạng dân gian: Trạng Lợn, Trạng Cờ Trạng Vật và trạng Ăn. Hình ảnh thiên triều trong truyện tương tự như hình ảnh thiên triều mô tả trong những thoại về vua Lê Thánh Tôn cũng như trong thoại nói về truyện Bà Chúa Liễu Hạnh giáng sinh.

Hồi thứ hai, kể chuyện thầy địa lý Tả Ao đặt đất cho vợ chồng ông hàng thịt sinh ra Trạng Lợn. Hình ảnh ông thầy địa lý đặt mã cho ông bà hàng thịt làm người đọc liên tưởng tới việc mà ông cố nội của Lê Quý Đôn được táng vào một ngôi đất quý.

Hồi thứ 3 giới thiệu Trạng Lợn trước khi đầu thai làm con ông bà hàng thịt. Hồi thứ tư kể truyện Trạng Lợn muốn làm ông Trạng nhưng không có khả năng đi học đầu cực kỳ thông minh. hồi thứ năm mô tả tài đối đáp của Trạng Lợn, và giới thiệu tài triết tự đang nhen nhúm của Trạng Lợn. Nhưng học vẫn không thông Trạng Lợn phải quay về theo học nghề bán thịt của bố.

Hồi thứ sáu tả cảnh xích mích giữa bà chị dâu với Trạng Lợn, sau cái tang cha, khiến Trạng lợn phải xin mẹ ra đi lập nghiệp. Câu truyện này dường như báo trước cái thành công lớn lao của Trạng Lợn bởi truyện có nhiều nét tương ứng với truyện người Hàn Tín cũng vì xích mích với người chị dâu mà ra đi lập nghiệp rồi sau lãnh ấn sáu nước vinh quy.

Hồi thứ bảy tả truyện trên đường vào kinh đi thi gặp gỡ các Trạng Cờ Trạng Vật, Trạng Ăn, tất cả đều là nhưng vị tá tinh ngọc hoàng sai xuống trần để phò tá vua Lê Thánh Tôn, và giới thiệu một vai nữ sau này là bà Trạng Lợn.

Hồi thứ tám kể lại truyện Trạng Lợn lạc vào dinh tướng công họ Bùi, thân phụ người nữ mà Trạng Lợn đã gặp trong hồi thứ bảy. Cô gái chiết tự kén chồng, bẻ tên nàng là *phán* thành ba chữ *bát* chữ *đao* và chữ *mẽ*, rồi lấy chữ *bát* và chữ *đao* hợp thành chữ *phân*, thành về câu đối:

Bát dao phân mẽ phán

Trạng Lợn, không biết chiết tự, lấy tên mình là Chung viết đề lên câu đối. Cô gái vốn tài chiết tự bẻ

chữ *chung* ba chữ *thiên* chữ *lý* và chữ *kim*, hai chữ *thiên* và *lý* hợp thành chữ *trọng* và tự nàng đọc thành về đối:

thiên lý trọng kim chung

Nàng đem lòng kính nể tài làm câu đối của Trọng Lợn rồi mến phục muốn nhận làm chồng. Nhân được cha cho làm thơ từ biệt Trọng ra đi trẩy kinh, nàng kín đáo tỏ tình, Bùi tướng công hiểu ý con và ưng thuận gả con cho Trọng lợn

Hồi thứ chín kể truyện Trọng Lợn đi lạc vào một ngôi miếu cổ gặp một lão trượng. Lão trượng đòi Trọng Lợn công một quãng đường rồi cho Trọng Lợn biết chàng là một thiên tình giáng thế, có tương lai sáng lạn. Lão Trượng liền sau đó dạy truyền khẩu cho Trọng Lợn việc bói toán. Lão trượng đó chính là Chử Đồng tử hóa thân.

Dùng hình ảnh Chử Đồng Tử hóa thân giúp Trọng Lợn, người kể truyện đã khéo léo dùng kỹ thuật kể truyện Bó Cái Đại Vương giúp vua nước Văn Lang giữ nước trong truyện Thánh Gióng.

Hồi thứ mười kể truyện Trọng Lợn tới kinh đô mở hàng bói toán danh nổi như cồn khiến được triệu vào cung. Tình tiết trong hồi này không gợi cho người đọc hình ảnh Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm, vì những quẻ bói của Trọng Lợn không liên quan tới thời thế như những quẻ bói dịch của Trọng Trình. Trái lại nhưng quẻ bói của Trọng Lợn về nhưng vụ thất thoát trong cung làm người đọc nhớ tới truyện ông Giuse đoán mộng cho vua Pharaon trong triều đình nước Ai Cập, chép trong Kinh Thánh, sách Sáng Thế, đoạn 40-41.

Hồi thứ mười một ghi lại tài bói toán của Trọng Lợn nổi danh ở kinh đô và sự tái hợp của bốn ông Trọng Lợn, Trọng Vật, Trọng Cờ và trọng Ăn.

Hồi thứ mười hai dựng trên một sự kiện có thật. Đó là cuộc thoán đoạt của Nghi Dân cướp ngôi của ấu chúa. Trọng Lợn vì đã được lời tiên đoán của lão trượng chử Đồng Tử, sắp đặt ba trạng kia cứu hoàng đế thoát nạn.

Hồi thứ mười ba kể lại truyện hai vị đại thần Nguyễn Xí và Đinh Liệt lật đổ ngai vàng của Nghi Dân, đưa hoàng đế lên ngôi tức vua Lê Thánh Tôn. Vua phong cho Trọng Lợn chức Trọng Nguyên, quần thần có nhiều người không phục vì danh vị trạng chỉ dành cho người đỗ đầu kỳ thi đình. Cho tới khi nhân dịp nhà vua thăm ngôi chùa xưa Trọng Lợn đã đưa vua về tá túc sau khi thoát khỏi trùng vi, đem Nghi Dân làm phân. Nhìn lên gác chuông vua đọc lê về câu đối:

Thiên lý trọng kim chung

Tình cờ chính là về câu đối mà nàng Phần đã chiết tự chữ Chung, tên Trọng Lợn. Quần thần theo hầu vua không một ai đối nổi. Trọng Lợn nhớ tới câu đối của nàng Phần đọc đại:

Bát đao phân mẽ phán

Quần thần có mặt không ai không phục tài đối của Trọng. Vua gia phong cho Trọng Lợn thành *chân trạng nguyên*.

Hồi thứ mười bốn kể lại cảnh Trọng Lợn lĩnh cờ biển và áo trạng và đi xem hoa tại vườn ngự uyển. Nhân dịp này Trọng Lợn gặp quan thái sư họ Dương. Quan thái sư muốn gả con gái cho trạng để tăng thêm vây cánh. Nhớ là mình đã đính hôn với nàng Phần, Trọng Lợn từ chối khiến Dương thái sư sinh lòng thù oán. Tình tiết này gợi cho người đọc nhớ lại truyện lưỡng quốc trạng nguyên Tống Chân từ chối lấy công chúa Trung Quốc vì ông đã có vợ là Cúc Hoa tại quê nhà.

Trọng Lợn lên đường vinh quy, qua dinh Bùi tướng công đón nàng Phần về quê ra mắt mẹ rồi làm lễ hoàn hôn.

Hồi thứ mười lăm ghi lại truyện, Dương thái sư, nhân dịp có biến động tại đất Thanh Hóa, trong dạ muốn trả thù Bùi tướng công cùng con rể là trạng Lợn, tâu với vua cử Bùi tướng công làm kinh lược Nghệ Hoá và Trọng Lợn làm tham tán quân sự. Trọng Lợn lãnh quân lệnh bỏ Trọng Ăn Trọng Cờ làm tùy quân tham mưu, và trạng Vật làm tiền đạo tiên phong.

Muru của Dương thái sư là đưa Bùi tướng công cùng Trọng Lợn vào chỗ chết. Muru này chẳng khác gì mưa của vua Saul đưa David ra trận đánh quân Philitin để nhờ tay quân Philitin giết David<sup>7</sup>. Nhưng David có Đức Chúa Trời ở cùng cũng như Trọng Lợn là thiên tình nên cả hai cùng không bị hại.

Hồi thứ mười sáu kể lại trận Trọng Lợn lập mưu cùng Trọng Ăn Trọng Cờ và Trọng Vật phái quân hai đánh hai động. Đặc biệt, nàng Phần cũng theo chồng ra trận. Giặc trùng kế của Nàng Phần, đại bại, Trọng Lợn kéo quân về kinh, vua thân hành ra đón.

Hồi thứ mười bảy vạch trần mưu hãm hại công thần của Dương thái sư, vì tướng giặc khai là chính thái sư bày mưu cho học khởi loạn.

<sup>7</sup> Kinh Thánh, Samuen1, 40-41

Nhà nước bình yên, triều đình mở hội ăn mừng, vua Trung Quốc cử sứ thần sang tham dự. Sứ Trung Quốc cậy mình cao cờ, thách vua ta đấu trí, Vua có Trạng Cờ phò tá xoay lọng mách nướ, sứ Trung Quốc đành chịu thua.

Sứ Trung quốc thua cuộc đấu cờ, bày cuộc đấu mẹo, nhưng một lần nữa lại bị Trạng Lợn vạch mưu đành chịu thua.

Hồi thứ mười tám ghi truyện Trạng Lợn được cử đi sứ sang Trung quốc. Tình tiết trong toàn thể hồi này là những truyện Trạng Lợn đối ứng tại quan ải Việt Hoa và tại kinh đô Trung Quốc. Người đọc, qua những tình tiết này, nhớ tới những vụ ứng đối của ông Trạng Mạc Đĩnh Chi cũng tại quan ải và tại triều đình nhà Nguyên.

Điểm đáng lưu ý là về câu đối:

Đông Tây chí biện đồ hân hân

Từ Đông Tây tới Biên Kinh vui vẻ, đối với câu:

Nam bắc lai triều lai tế tế

nghĩa là từ Nam Bắc tới triều rầm rộ mà quan sớ tại đưa ra thử tài sứ đoàn trước khi đưa về sứ quán. Câu đối của sứ bộ Trạng Lợn chỉ là câu nói trịch một câu tiếng nôm:

Nong tay dí bẹn đồ hăm hăm

mà Trạng Lợn vô tình thốt ra khi nhìn thấy một cô gái tiểu tiện bên đường.

Ngoài việc đọc trịch một câu chữ nôm thành một câu chữ nho như trên đây, truyện dùng những tiếng nói lái của nghề hàng thịt làm thần chú câu đố làm người đọc nhớ tới một truyện cổ của nước Nam ta. Đó là truyện

### Khướu Dạy Học <sup>8</sup>

Xưa có một con khướu nổi danh là biết đủ các thứ tiền. Khướu mở trường dạy nói. Giống chim chóc theo nhau đến học đông lắm. Nhưng kẻ bậc giỏi hơn cả chỉ có ba anh là anh chim ri, anh dừ dì và anh ngỗng mà thôi. Đến kỳ Trời mở khoa thi, bao nhiêu học trò của khướu đều đua nhau đi cả. Buổi thi về, tiên sinh khướu hỏi đồ đệ rằng :  
- Bài chi ? Bài chi ?  
Dù đi thưa rằng :

<sup>8</sup> Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Truyện Cổ Nước Nam, tập 2, Đại Nam Tái Bản tại Hoa Kỳ, tr.34

如何斯可謂之士矣

- Như hà tư khả vị chi hỹ<sup>9</sup>  
Ngỗng thưa rằng:

冊之?冊之?

- Sách chi? sách chi?<sup>10</sup>  
Ngỗng thưa rằng:

幼學!幼學!

- Ấu học! Ấu học!<sup>11</sup>

Chim ri nghe ngỗng nói mắng rằng:

知之為知不知為不知

- Tri chi vi chi ! Bất tri vi bất tri<sup>12</sup>

Khướu khen rằng:

奇句!奇句!奇句!

- Kỳ cú! Kỳ cú! Kỳ cú!<sup>13</sup>

Ngỗng cãi lại chim ri:

無知也!我不如也!

- Vô tri dã! Ngã bất như dã<sup>14</sup>

khướu vẫn còn khen chim ri :

奇句!奇句!

- Kỳ cú! Kỳ cú!

Đến khi có tin về báo đã yết bảng, khướu sai ngỗng đi xem. Ngỗng đi xem bảng về thưa rằng:

- Đổ cả! Đổ cả!

Khướu bảo:

- Xem cho chu chi! Chu chi!

Ngỗng thưa :

- Đã ! đã !

Khướu mừng lắm bảo rằng :

- Hoan Hùy ! Hoan hùy! Hoan Hùy!

Qua truyện cổ trên đây, cũng như qua việc đối chiếu những hình ảnh dùng hồi 19 truyện Trạng Lợn và trong việc dùng tiếng chim nhại sách thánh hiền, người đọc dường như cảm thấy nỗi chán ngán của nhà nho thời xưa phải học sách Trung Quốc đọc theo âm Việt Nam.

Hồi cuối cùng ghi lại cảnh Chử Đồng Tử tới gặp Trạng Lợn để lấy lại cuốn sách về thuật bói toán cho mượn năm xưa. Cảnh này gợi lại truyện Nguyễn Công Trứ đi tìm ông Hoàng Thạch trong bài Luận Kế Sĩ. Hình ảnh Trạng Lợn về trời sau 72 năm ở cõi trần

<sup>9</sup> Nghĩa là: Như thế nào thì gọi được là kẻ sĩ vậy

<sup>10</sup> Sách nào? Sách nào?

<sup>11</sup> (sách) Ấu học! (sách) Ấu học!

<sup>12</sup> biết đây thì rằng biết, không biết thì rằng không biết.

<sup>13</sup> Câu hay! câu hay! Câu hay!

<sup>14</sup> Không biết vậy! Ta không bằng vậy.

này nhắc tới cảnh Thánh mẫu Phủ Giầy về Trời sau khi mãn hạn lưu dầy ở thế gian.

Xét rộng hơn chuỗi hình ảnh dùng trong toàn bộ truyện Trạng Lợn, người đọc phải khâm phục người kể chuyện khéo dùng những hình ảnh thường gặp trong những truyện thần thoại, những truyện cổ. Chuỗi hình ảnh đó là một chuỗi những hình ảnh có sẵn trong vô thức con người, cũng vì vậy chuỗi hình ảnh đó là chuỗi những hình ảnh quen gặp trong những giấc mơ. Thế nên người đọc không ngạc nhiên thấy truyện Trạng Lợn là giấc mơ của những người, dầu không gặp may mắn trên đường cử nghiệp nhưng vẫn còn mơ ước phò vua giúp nước hay thực tế hơn có dịp hành động để trước là đẹp mặt sau là ấm thân.

## Nét Khôi Hải Đen

Bàn về khôi hải đen cũng khó như bàn về thơ, bởi lẽ thơ là gì cũng như khôi hải đen là gì vốn là hai câu hỏi không có câu trả lời thích đáng làm hài lòng mọi người. Thế nên, trong những đoạn sau, người đọc truyện trước hết dịch một truyện ngắn đã được André Breton chọn và đặt trong bộ tuyển chọn truyện khôi hải đen của ông. Đó là truyện Thú vui Mùa Hè, Plaisir d'été của Alphonse Allais (1854-1905)<sup>15</sup>, với mục đích cho người đọc thấy một vài khía cạnh thực tế của khôi hải đen. Truyện của Alphonse Allais tóm tắt như sau :

### Thú Vui Mùa Hè

Ngôi nhà tôi về nghỉ trong mùa đẹp trời năm đó sát cạnh với một căn nhà xoàng xĩnh mà chủ nhà là một bà chằn khó thương nhất trong làng.

Mụ ở góa, chồng mụ là một ông cán sự làm đường mà chính mụ chẳng dùng dao cưa mà dùng cái u sấu hăm hại. Bà chằn này chua ngoa hiềm thấy lại thêm thói biến lộn ty tiện, che dấu dưới vẻ sùng đạo quá cỡ.

Mụ chết rồi, cầu xin cho mụ mồ yên mà đẹp.

Mụ chết rồi và tôi được một trận cười no nê khi tôi thấy mụ dơ hai cánh tay khăng khiu lên trời và ngã sấp mặt xuống bờ cỏ trong khu vườn nhỏ dọn dẹp quá sạch sẽ của mụ.

Tôi đã chứng kiến giây phút mụ lia trần; hơn nữa chính tôi đã tạo ra cái chết ấy và đó là một trong những kỷ niệm đẹp nhất của tôi.

Phải công nhận rằng câu truyện tắt phải chấm dứt như vậy, vì tôi đã từng không sao ngủ ngon được mỗi khi nhớ tới bà chằn này.

Khùng khiếp, mụ đàn bà khủng khiếp!

Tôi đạt được tới kết quả ảo não này bằng một chuỗi trò đùa rởn, thiếu phong cách, nhưng trò đùa rởn này đòi hỏi người nhập cuộc nhiều mảnh khốc dai dẳng.

Quý bạn có muốn tôi kể cho nghe những mưu đồ của tôi không?

.....

Mụ hàng xóm của tôi mê làm vườn: trong cả xứ này, không có một cây sà lát nào đáng mang ra so sánh với những cây sà lát của mụ, và những luống dậu tây đẹp đến muốn quỳ xuống đất mà nhìn cho đã mắt.

Đề chống mọi thứ cỏ dại, chống đủ loài sâu bọ, mụ có cả ngăn cách và dùng không chán đủ mọi cách để diệt cho sạch.

Cách mụ trừ sên quá đáng cho nhà thơ Coppée viết cả một áng thơ bắt hủ mà ca tụng.

Rồi tới một ngày mưa rông khắp vùng, tôi nghĩ bụng:

Gọi mấy thằng ông mãnh, cho mỗi đứa một cái túi và bảo chúng rằng:

- Đi ra mấy ngõ ra đồng ngoài, nhặt cho tao ít sên, về tao thưởng cho mỗi đứa vài xu.

Bọn trẻ ủa đi bắt sên. Kết quả là tôi có một mớ sên tạm đủ làm thay đổi cảnh vật.

Tôi để mề sên đó vào trong một cái thùng kín, bỏ chúng đói trong một tuần liền.

Sau đó, một chiều mùa hè rục rờ tôi thả chúng vào vườn mụ hàng xóm.

Mặt trời vừa mọc là đã thấy cảnh bãi chiến trường hoang tàn.

Nhưng luống sà lát giòn, những luống sà lát xoắn, nhưng luống dậu chiều hôm trước xanh rờn, bây giờ tro củnng lá

Tôi được một trận cười hà hê, nhưng cảnh hoang tàn đó cũng khiến tôi thấy tiêng tiếc. Còn bà chằn thì tương như mình còn đang trong giấc ác mộng.

Ăn đã no nhưng như còn chưa đã, đàn sên phá tiếp mảnh vườn. Từ chỗ tôi đứng núp để quan sát, tôi thấy đàn sên bò lên rặng lê.

... Liền lúc đó chuông nhà thờ điểm khai lễ mười giờ.

Mụ hàng xóm nuốt con đau xót chạy đi tìm Chúa.

.....

<sup>15</sup> Alphonse Allais, Plaisir d'été, in André Breton Anthologie de l'Humour Noir, Livre de Poche, Paris 1991, p.227-232.

Theo rồi riết mù hàng xóm, tôi thuộc lòng từng hành động trong đời sống hàng ngày của mù. Mới rạng đông mù đã trở dậy, ra thăm vườn, giết con sên này, bứt sợi cỏ dại kia. Chuông lễ sáu giờ điểm tiếng thứ nhất là mù chạy sang nhà thờ, xong lễ mù quay về lấy tờ báo Thánh Giá trong thùng thư nghiền ngẫm từng chữ đồng thời nhấm nháp ly cà phê sữa.

Một sớm kia mù đọc được nhiều điều mới lạ trong tờ báo mù ưa thích nghiền ngẫm. Bài thời luận trên trang một bắt đầu bằng câu: “Trốn đâu cho thoát được máy ông Cố Đạo trời đánh!” và cả bài thời luận tiếp theo cùng một giọng như vậy. Trong một mục nhỏ có bài:

#### Báo Cáo Cùng Bạn Đọc

Bốn báo có lời bá cáo cùng bạn đọc nên coi chừng mỗi khi có việc phải tiếp đón các giáo sĩ tại nhà.

Thứ hai vừa qua, cha xứ Saint Lucien được mời tới sức dầu thánh cho người bốn đạo, lúc ra về ngài đỡ nhẹ chiếc đồng hồ vàng của người chờ chết, và đỡ luôn cả một bộ mười hai dao đĩa bằng bạc của gia chủ.

Đó không phải là một trường hợp riêng lẻ v.v....

Trong mục tin vật cũng có tin lạ.

“Có tin đồn là ngày hôm qua Đức Khâm Sai Tòa Thánh đã bị cảnh sát bắt vì tội say rượu làm mất trật tự tại quán rượu Moulin Rouge, thêm tội mạ lỵ nhân viên an ninh công công.”

Tôi cũng cần nói rõ là những tin lạ này đều do chính tôi đã thảo ra, lên khuôn và xen vào tờ Thành Giá với sự đồng lõa của một ông bạn thợ in và đặt vào thùng thư của mù bà chẵn này.

Chiều chiều, lúc chạng vạng tối là lúc con mèo đen khá lớn rất đẹp của mù hàng xóm chạy sang vườn nhà tôi.

Nhờ có thằng cháu, chú cháu tôi bắt được con mèo dễ dàng. Rồi xoa lên bộ lông nó một lớp sulfure de barium. Hóa chất này có đặc tính phát quang trong bóng tối và có bán tự do tại các tiệm hóa phẩm.

Tối hôm đó trời tối như bung không trăng không sao. Không thấy con mèo về, mù hàng xóm lo lắng đi tìm và lên tiếng gọi:

- Polyte! Polyte! Ở đâu thì về mau, Polyte ơi!

Chú cháu tôi thả con mèo ra, như vừa giận vừa sợ con mèo nhảy bông qua tường lao về nhà.

Đã bao giờ bạn đọc nhìn thấy con mèo phát quang nhảy trong đêm tối chưa?

Với tôi thì cảnh đó thật là một hình ảnh tuyệt vời kỳ lạ.

Rồi có tiếng mù già hàng xóm la hoảng:

- Chúa tôi! Quỷ nhập tràng! Quỷ nhập tràng. Đích là quỷ nhập tràng.

Rồi tôi thấy mù đánh rơi cây đèn cầm trong tay và ngã vật xuống đất.

Lối xóm nghe tiếng kêu đổ tới nâng mù dậy. Muộn quá rồi! và thế là tôi mất mù hàng xóm đó.

Đoạn truyện của Alphonse Allais trích dịch trên đây gọi cho người đọc những truyện về Trọng Quỳnh, quen thuộc trong dòng văn học truyền miệng. Giới nghiên cứu văn học gần đây có tìm thấy một Nguyễn Quỳnh, cũng giỏi thơ văn với một tiểu sử có nhiều điểm trùng hợp với những chi tiết về Trọng Quỳnh trong truyện cười đại chúng. Tuy nhiên, đích thực Trọng Quỳnh là ai vẫn là một câu chuyện đẽ gò trong văn học sử. Trong cuốn Kho Tàng Các Ông Trọng Việt Nam, Vũ Ngọc Khánh sưu tầm được bốn chục truyện về Trọng Quỳnh.

Trông số những truyện sưu tập được về Trọng Quỳnh, hầu hết đều có màu sắc khôi hài. Tập truyện này có thể chia làm 5 loại:

1. Truyện ngày Trọng Quỳnh còn thơ ấu
2. Truyện ngày Trọng Quỳnh đi học đi thi
3. Truyện Trọng Quỳnh tiếp đón sứ Trung Quốc và đi sứ sang Trung Quốc
4. Truyện Trọng Quỳnh cư xử với thần thánh Phật, tiên,
5. Truyện Trọng Quỳnh cư xử với Vua Chúa quan quyền.

Nét chung cho cả năm loại truyện sắp hạng như trên là nét Trọng Quỳnh luôn luôn chống đối với giới có thế lực tiêu biểu cho lễ thói tập tục hay giới nắm quyền trong xã hội. Tuy không ai rõ những truyện về Trọng Quỳnh xuất hiện trong thời đại nào, nhưng chắc là thời đó người ta con tôn trọng Tam Cương. Điều đáng chú ý là trong truyện truyền lại dường như Trọng Quỳnh coi ba mối đó đều như trò hề.

Thói thường người ta trọng người lớn tuổi có chữ nghĩa, nhưng Trọng Quỳnh coi những kẻ hách dịch hợm mình hay chữ chẳng khác gì sâu bọ như trong Truyện :

#### Ông Tú Cát

Làng Quỳnh có ông Tú Cát, hách dịch và hợm mình hay chữ nhất làng. Một hôm nhà Quỳnh có giỗ, ông Tú Cát cũng đến ăn giỗ. Gặp Quỳnh, ông beo tai và nói:

- Mày là học trò, nhưng không có lễ, nên tao phạt mày. Bây giờ tao ra một câu đối, nếu đối được thì ta tha, bằng không tao cứ beo tai mày. Quỳnh đáp:

- Câu đối thế nào xin ông cứ đọc.

Tú Cát chỉ con lợn bị trói để làm thịt và đọc:

- *Lợn cần ăn cần tợn.*

Không cần nghĩ lâu, Quỳnh đối:

- *Chó khôn chó cần cần*

Tú Cát điếng người, nhưng vẫn chưa chịu thua ra tiếp câu thứ hai:

- *Trời sinh ông Tú Cát*

Trước mặt đồng đủ họ hàng, Quỳnh đối lại:

- *Đất nứt con bọ hung.*

Câu đối rất chình, nhưng lấy con bọ hung đối với ông Tú Cát thì thật là hỗn xược.

Tiêu biểu cho những truyện Trạng Quỳnh trong thời gian đi học đi thi là truyện:

### So Tài Với Thị Điềm

Quan Bàng [thầy học của Quỳnh] nuôi cho Quỳnh ăn học là có ý muốn gây dựng cho Quỳnh rồi để gả con gái cho. Nhưng Thị Điềm thì còn muốn thử tài Quỳnh cao thấp thế nào; Quỳnh hiểu ý nên cũng thích đem văn thơ chữ nghĩa ra thử tài với Thị Điềm. Một hôm Điềm đi chợ, Quỳnh gửi ba mươi đồng kẽm với một mảnh giấy có đề bốn chữ “chiến chiến căng căng”<sup>16</sup> nhờ mua hộ. Thị Điềm mua về cho Quỳnh năm năm com nếp. Quỳnh phải phục tài.

Lần khác, Thị Điềm đi chợ, Quỳnh lại gửi mười đồng kẽm kèm mảnh giấy viết hai chữ “đà cuống.” ý muốn nhờ mua hộ cả cuống.<sup>17</sup> Thị Điềm hiểu ý nhưng muốn thử Quỳnh, mua cuống cả về cho Quỳnh. Quỳnh bắt đền. Thị Điềm cãi: “Cả cuống nói lái chẳng thành cuống cả là gì?” Quỳnh đành chịu thua.

Một hôm Thị Điềm ngồi khâu ở cửa sổ. Quỳnh đến cửa sổ khác nhìn sang. Thị Điềm bực mình ra một vế câu đối:

*Hai người ngồi hai cửa sổ song song*

Không đối lại được, Quỳnh đành phải bỏ đi.

<sup>16</sup> Bốn chữ này trích từ Kinh Thi ra, thường giảng nôm là năm năm nếp nếp, Thị Điềm đoán được ý Quỳnh đọc tranh ra là năm năm com nếp.

<sup>17</sup> Đà cuống là chũ nhỏ chi con cả cuống.

Một hôm khác, Quỳnh đi phố Mía, Sơn Tây về, Thị Điềm gặp, đọc một vế câu đối:

*Lên phố Mía, gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường*<sup>18</sup>.

Quỳnh chưa kịp đối thì Thị Điềm đọc một hơi hai câu nữa:

*Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.*

và:

*Bà dò Nứa đi vòng đò tre, đến khóm trúc thờ dài hi hóp.*

Quỳnh không sao đối được cả hai câu.

Một buổi khác, Quỳnh đi dạo về, bị chó sỏ ra sủa, Quỳnh hoảng sợ, leo lên cây cậy. Thị Điềm chạy ra thấy vậy, bảo rằng: « nếu đối được câu này thì mới đuổi chó cho mà xuống »:

*Thằng Quỳnh ngồi trên cây cậy, dái dỏ hồng hồng.*

Quỳnh chịu không đối được, đành ngồi trên cây đến lúc con chó bỏ đi mới dám xuống.

Một buổi khác, Thị Điềm tắm, Quỳnh lần khăn đòi vào xem. Điềm tức quá đọc một câu thách Quỳnh đối được thì cho vào:

*Da Trắng vỗ bì bạch.*

Quỳnh chịu không đối được.

Tối một tối kia, Quỳnh lên vào giường của Thị Điềm nằm, Thị Điềm vào màn tối mò, quờ quạng chạm phải dái của Quỳnh. Chờ thẹn, Thị Điềm liền đọc:

*Trướng nội vô phong phàm tự lập*<sup>19</sup>

Lần này Quỳnh đối lại được:

*Hung trung bất vũ thủy trường lưu*<sup>20</sup>

Thị Điềm đọc tiếp vế câu đố nôm:

*Cây xương rồng trồng đất rắn, longvãn hoàn long*

Quỳnh đối lại là:

*Quả dưa chuột, cuột thẳng gang, thử chơ thì thử*

<sup>18</sup> Cái hiểm hóc của câu đố này là bốn chữ: mía, mật kẹo đường đều là của ngọt.

<sup>19</sup> Trong màn không gió sao buồm tự dựng

<sup>20</sup> Trung bụng không mưa mà nước cứ tuôn

[...]

Sau đó ít ngày, Quỳnh thưa lên quan Bàng xin thôi học.

Việc tiếp đón sứ bộ Trung Quốc cũng như việc đi sứ sang Trung Quốc là việc quốc gia trọng đại, nhưng Đối với Trạng Quỳnh những chuyện đó cũng chỉ là những trò hề. Tiêu biểu là chuyện

### Lừa Sứ Vào Thành

Sứ Tàu đến kinh thành. Các quan đại thần ta thân ra tận ngoài thành nghênh tiếp. Công thành trang hoàng cờ quạt rất oai vệ. Sứ Trung Quốc thấy trên công hành có bốn chữ Đại Nam Quốc Môn liền nghĩ rằng mình đường đường là sứ giả thiên triều, mà phải luồn cúi dưới bốn chữ này thì còn gì là quốc thể đại Trung Quốc. Bèn nhất định không chịu vào thành, và yêu cầu vua ta làm một chiếc cầu vồng bắc qua quốc môn thì mới chịu vào. Các quan ta thuyết phục thế nào sứ giả Trung Quốc cũng không thuận. Vua được tin rất lấy làm lo ngại, bèn cho vời Quỳnh vào vấn kế.

Quỳnh nói :

- Việc đó đâu có khó gì mà bệ hạ phải bận tâm, kẻ hạ thần này chỉ xin thi hành một chút kế nhỏ là bắt buộc hán phải vào thành ngay.

Nói đoạn Quỳnh giả làm lính hầu cầm quạt theo hầu sứ Trung Quốc. Nhân lúc xuất kỳ bất ý, trở cán quạt, nhè cái đầu kết đuôi sam của sứ giả cốc luôn mấy cái và mồm thì chửi tục, đoạn ù té chạy.

Sứ Trung Quốc thấy có lính hầu hỗn láo như vậy, giận dữ vùng đuổi theo. Quỳnh nhắm chạy qua cửa thành. Sứ Trung Quốc chạy đuổi theo, quan quân cũng hò nhau đuổi hộ. Sứ Trung Quốc vừa chạy qua công thành, Quỳnh dừng lại nói lớn :

- Thế là sứ giả thiên triều đã chui qua công thành rồi đấy nhé, lẽ nào bây giờ lại chui trở ra.

Sứ Trung Quốc biết mình bị lừa. Ngoái nhìn lại công thành thì voi ngựa quan quân đông nghịt chắn lối ra, đành phải tiếp tục tiến vào thành.

Bà Chúa Liễu Hạnh tục truyện là một nữ thần rất thiêng. Nhưng Trạng Quỳnh đùa rỡ với thần thánh không chút kính trọng như trong truyện dưới đây :

### Vay Tiền Bà Chúa Liễu ;

Quỳnh đến viếng đền Sòng, thấy trên bàn thờ có một chiếc mâm đồng đầy tiền bạc, do thiên nam tín nữ thập phương tới cúng. Đang gặp hồi túng thiếu, nghĩ ra một kế rồi ra trước ban thờ khẩn to rằng :

- Em độ này bán quá, mà chị thì tiền có bạc thừa. Xin chị cho em vay tạm ít tiền, làm vốn sinh nhai. Nếu chị thuận cho vay một phần tư thì cho tiền sấp ; phần ba thì cho tiền giữa, nhưng bằng chị cho vay một nửa thì cho một nửa một sấp.

Bà Chúa thấy Quỳnh khôn ranh rào trước đón sau, đường nào cũng được, bèn khiến hai đồng tiền cứ quay tít mãi.

Quỳnh thấy thế vỗ tay reo mừng :

- Tiền múa Chúa cười, chị thương em nghèo, lại cho vay cả. Xin cảm ơn chị.

Nói xong chút hết tiền bạc trên mâm ra về.

Đối với vua chúa, Quỳnh cũng không chút sợ hãi, kiếm cách trọc như kẻ trong hai truyện sau đây. Một là truyện :

### Tiền Sư Thăng Bào Thái

Một hôm đã nhá nhem tối, Quỳnh sai lính ra dẫn các hàng thịt ở kinh thành là ngày mai quan trạng đãi tiệc, mỗi cửa hàng thịt phải bán cho quan năm mươi cân thịt, nhưng đặt thái sẵn, cho đỡ công người nhà quan.

Các cửa hàng thịt mừng lắm, sáng đã thái sẵn thịt, nhưng chờ mãi không thấy người nhà quan trạng ra nhận.

Đợi mãi tới trưa, cũng chẳng thấy ai, liền kéo tới dinh quan Trạng hỏi, thấy dinh ngoài vắng tanh vắng ngắt, chẳng có khách khứa gì cả. Hỏi thì quan Trạng lại bảo :

- Không biết. Chắc có đũa nào chơ xô bà con đây. Cứ réo tên đũa nào bảo thái mà chửi.

Bọn hàng thịt ức lắm, vừa kéo nhau về vừa réa:

- Tiền sư thăng bào thái! Tiền sư thăng bào thái!

*Bào Thái* là niên hiệu vua [Lê Dụ Tông, 1720-1728]. Thế là tự nhiên vô cớ nhà vua bị nghe chửi inh oĩ ngoài đường phố.

Đối với Chúa Trịnh Quỳnh còn hỗn hào đến mức bày mưu giết chúa. Đó là câu chuyện cuối cùng trong tập truyện về Trạng Quỳnh:

### Trạng Chết Chúa Cũng Băng Hà

[Chúa định tâm khừ Quỳnh] cho đòi Quỳnh vào ban yến. Linh tính báo trước là lần này chúa triệu vào mà lại nói có ban yến, chắc có chuyện không hay. Quỳnh gọi vợ con dặn rằng:

- Hôm nay ta vào hầu chúa, xem chừng lạnh ít dữ nhiều. Nếu chẳng may ta có mệnh hệ nào thì chớ phát tang vội, và con cháu không ai được khóc lóc.

Cứ đặt ta nằm trên võng, cắt hai đũa quạt hầu. Lại gọi nhà trò về hát cho vui vẻ. Còn con cháu thì cứ ra vào, cười nói như thường. Đợi đủ ba hôm, lúc nào thấy trong phủ chúa phát phục thì ở nhà ta mới phát tang.

Dặn rồi lên võng đi, vào đến cung đã thấy chúa ngồi đợi. chúa bảo:

- Mấy hôm nay không gặp trạng, lòng ta khao khát lắm. Nay nhân có người dâng đồng ngọc thực, ta vờ trạng vào ban yến, Trạng chớ khước từ.

Quỳnh biết thế chối không được đành phải ăn. Vừa nếm được vài ba miếng, chúa lại hỏi:

- Bao giờ Trạng chết?

Quỳnh thưa:

- Bao giờ chúa thăng hà thì Trạng chết.

Chúa mỉm cười.

Ăn được một lát, Trạng thấy trong mình hơi khác, liền xin cáo lui. Về đến nhà thì tắt bghi. Vợ con theo đúng lời Trạng ạn mà làm.

Chúa sai người ra dọn2 la thì thấy nhà Quỳnh vui vẻ như thường. Còn Quỳnh thì đương nằm trên võng nghe hát, hai bên có tôi tớ quạt hầu. Bèn về báo với chúa.

Chúa thấy Quỳnh không chết, dùng dùng nổi giận, truyền gọi đầu bếp lên mắng và bắt lấy thức ăn còn thừa ea để chúa nếm thử. Chúa nếm được vài miếng thì lăn ra chết.

Nhà Quỳnh nghe thấy trong phủ chúa làm lễ phát phục thì mới làm lễ phát tang. Thế là chúa và trạng cùng đưa ma một này.

Người đời sau có thơ rằng:

Trạng chết chúa cũng thăng hà  
Dưa gang đó dít thì cả đó tròn.

Đối chiếu truyện trích dịch của Alphonse allais với mấy truyện trích dẫn về Trạng Quỳnh, người đọc truyện thấy mấy điểm chung như sau. Trước hết cả hai đều là truyện giả tưởng. Không một ai có thể tin là những hành động của vai chính kể chuyện trong là hành động của một người bình thường, dẫu có tình ma độc ác đến đâu cũng không thể chỉ vì ác cảm với một người hàng xóm mà phá phách trên trời xuống đất người đàn bà goá sợ đến chết được. Ác cảm của người kể chuyện với bà hàng xóm góa bụa chẳng qua vì bà ta giữ được mảnh vườn tươi tốt, chịu khó xiêng năng đi nhà thờ. Với những truyện Trạng Quỳnh, từ nhỏ Quỳnh đã không kiêng nể gì người lớn có học như ông Tú Cát, dẫu là Quỳnh không ưa thái độ kiêu

căng cha chú của ông Tú Cát. Lớn lên đi học, Quỳnh tỏ ra có phần nào kính nể thầy, nhưng trên trời con gái thầy hết mực, nhưng nhiều lần Quỳnh bị con gái thầy học dồn vào ngõ bí, rồi cuộc phải vắng tục, dẫu là vắng tục bằng chữ nho, mới thăng được Thị Điểm một đôi keo. Truyện Trạng Quỳnh và sử giả Trung Quốc cho thấy là truyện quốc gia đại sự Quỳnh cũng coi là trò đùa. Đối với thần thánh Quỳnh cũng đùa rỡ. Quỳnh chửi vua, Quỳnh giết chúa.

Do đó, điểm chung giữa truyện của Alphonse Allais và Truyện Trạng Quỳnh là tác giả những truyện này cùng tạo ra những nhân vật có tinh thần *bất phục tông* những quy luật thông thường trong đời sống hàng ngày, dưới những hành động ngang trái, vô nhân đạo, tàn ác, khiến người đọc cảm thấy ý đồ muốn lật đổ mọi trật tự xã hội, của những vai chính trong truyện.

Trong truyện Thú Vui Mùa Hè người kể chuyện không có lý do để có ác cảm với bà hàng xóm của ông ta, ngoài hai điểm, một là bà hàng xóm có một khu vườn tươm tất, và lòng mộ đạo của bà. Người kể chuyện bày mưu phá tan hoang mảnh vườn, và để đối với lòng mộ đạo của bà hàng xóm, người kể chuyện dùng con mèo của bà hàng xóm để dọa bà ta đến độ ngã ra chết tươi. Thái độ đó của người kể chuyện khiến người đọc thấy lòng chối đạo của ông vì giết người là một trong mười điều răn của đạo Thiên Chúa.

Truyện Ông Tú Cát cho thấy là Trạng Quỳnh ngay khi còn nhỏ không hề có ý tôn trọng các bậc cha chú. Những vụ đối đáp với Thị Điểm cho người đọc thấy là, tuy người kể chuyện không nói rõ, đối với thầy học Quỳnh tuy có nể nang nhưng không thật lòng. Truyện Vay Tiền Bà Chúa Liễu, một vị thần thiêng nhất đối với quần chúng, Quỳnh cũng mang ra đùa rỡ. Quỳnh chửi vua, tệ hơn nữa Quỳnh giết chúa, mặc dẫu thời của Trạng Quỳnh là thời Nho Giáo còn là quốc giáo, tam cương vẫn là nhưng điều mọi người tôn trọng.

Thế nên những điểm chung giữa truyện của Alphonse Allais và truyện Trạng Quỳnh như vậy rõ là vai chính trong cả hai truyện đều không những không tôn trọng, nếu không nói là có ý muốn lật đổ những nề nếp của xã hội đương thời, mà còn có ý chối đạo coi thường tín ngưỡng của đại chúng.

Ý muốn lật đổ nề nếp xã hội cùng ý muốn chối đạo này không phải để tạo ra một cuộc đấu tranh giai cấp như nhiều đỉnh cao trí tuệ của các chính quyền toàn trị thường chủ trương mà chỉ muốn giải phóng cá nhân người đọc khỏi những trói buộc của lễ phải của

tập tục cũng như của tôn giáo không phải dùng bạo lực mà bằng một cái cười thoải mái.

Trong số những truyện khôi hài phổ quát trong đại chúng, ngoài truyện Trạng Quỳnh phải kể tới truyện Ba Giai Tú Xuất. Theo cuốn Ba Giai Tú Xuất, của Đồ Nam, trong tủ sách ‘Truyện Vui Cười’, mà người viết này hiện có, thì Ba Giai Tú Xuất sống dưới triều vua Tự Đức. Đồ Nam thu thập những truyện truyền miệng mà viết thành. Rất tiếc Đồ Nam không ghi ngày tháng hoàn tất việc thu thập này cùng cho biết phương pháp thu thập truyện dân gian ông đã sử dụng. Ông coi Ba Giai và Tú Xuất như hai người có thực, và ông tiếc cho hai người tài hoa này không tham gia phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trước nạn ngoại xâm của người Pháp. Ông trách Ba Giai Tú Xuất chỉ lo rượu chè cờ bạc trai gái. Ông coi truyện Ba Giai Tú Xuất như một thí dụ điển hình để xét ảnh hưởng của hoàn cảnh đối với con người.

Xét trên văn bản, cuốn sách có một vài điểm đáng nói. Truyện Trạng Quỳnh Tái Sinh có cốt truyện giống hệt truyện Chọc Vợ Giáo Thụ trong Truyện Trạng Quỳnh. Truyện Chi Tại Con Trời Đánh có cốt truyện hệt như truyện Trộm Cắp<sup>21</sup> trong Vũ Trung Tuy Bút của Phạm Đình Hồ. Ngoài ra nhân vật Bà Hàm trong truyện Phù Thủy Trừ Tà làm người đọc liên tưởng tới nhân vật Nghị Hách trong cuốn Số Đỏ của Vũ Trọng Phụng. Lời văn cũng có nhiều điều sơ sót. Trong truyện Ba Giai Xuống Xóm một nhân vật kêu cứu gọi:

- Ôi ông phú lít ơi! Ôi ông đội xếp ơi!

Danh từ ‘phú lít’ nguyên là chữ phiên âm chữ pháp police, cũng như danh từ đội xếp chỉ nhân viên an ninh công cộng, là những chữ thường dùng dưới thời bảo hộ của người Pháp ở Bắc Việt, dùng được trong một truyện vào thời vua Tự Đức tạo ra một sự sai lệch niên đại trong ngôn ngữ.

Trên mặt văn bản, qua nhiều truyện trong tập Ba Giai Tú Xuất người đọc có cảm tưởng là đang đọc một thiên phóng sự chứ không phải là đọc một truyện khôi hài. Phần lớn nạn nhân của Ba Giai Tú Xuất thuộc giới phụ nữ: các cô đầu đánh đá, các cô hàng chèo ngoa buôn bán ngoài chợ, mẹ con bà chủ trọ tham tiền, bà cả Toét có tài chửi dai, khiến trong nhiều truyện người đọc thấy như Ba Giai Tú Xuất ra tay hành động như để trả thù riêng với giới phụ nữ này. Ngoài ra nạn nhân của Ba Giai Tú Xuất còn là những bọn xâm mưu lừa, bọn cuội không kiêng nể một ai. Ngay cả hai vai chính là Ba Giai và Tú Xuất trong

nhiều truyện thường tỏ ra trở tài bịp bợm để kiếm lợi riêng cho mình, khiến độc giả dẫu không tin đó là truyện thực, nhưng cũng khó có thể coi đó là những truyện khôi hài đen.

Đằng khác nhưng truyện như Mèo Biết Nói, Ba Giai làm Xiếc, Cu Bé Ra Mà Ăn Kẹo v.v... là những truyện khôi hài thật xứng đáng truyền tụng.

Trên mặt lý thuyết, giới phê bình văn học cũng như giới triết gia nhiều người chú ý tới chữ *đen* trong nhóm từ mới *khôi hài đen*, humour noir của André Breton. Trong phần hội thoại giữa diễn giả Annie Le Brun với thính giả về Humour Noir<sup>22</sup> Sylvestre Clancier trích dẫn một câu dưới đây của triết gia Hegel (1770-1831) phê bình triết học của Scelling (1775-1854):

La philosophie de Scelling, c’est la nuit de l’absolu où toutes les vaches sont noires.

Sylvestre Clancier nói thêm :

Mais en fait cette phrase nous permet de dégager la véritable valeur de l’humour noir, il met les valeurs de notre monde sur le même plan, en abolissant toute différence.

Ferdinand Alquié :

Je me permets de faire remarquer que la phrase : « la nuit, toutes les vaches sont noires » est la phrase allemande qui répond à la phrase française : « la nuit tous les chats sont gris » ; cela veut simplement dire que l’om ne peut rien distinguer pendant la nuit.

Sylvestre Clancier :

Bien sur, mais je voulais m’en servir pour montrer que l’humour noir jetait sur la réalité cette nuit, qui permet justement d’attaquer la réalité et de franchir une étape.

Người Việt Nam có câu : « tắt đèn nhà ngói cũng như nhà tranh ». Tắt đèn thì mọi vật chìm trong bóng đêm khiến không thể *phân biệt* nhà ngói với nhà tranh. hai chữ phân biệt này không dẫn người đọc về với Hegel hay Schelling, nhưng dẫn người đọc về tập hạ bộ Thiên Luận của Suzuki trong phần tác giả bàn về phân biệt và kinh Bát Nhã..

Suzuki viết :<sup>23</sup>

<sup>21</sup> Phạm Đình Hồ, Vũ Trung Tuy Bút, nhà xuất bản Trẻ, T.P. Hồ Chí Minh, 1989, tr.70-71.

<sup>22</sup> Annie Le Brun, L’Humour Noir in Le Sur-réalisme sous la direction de Ferdinand Alquié, Mouton, Paris 1968, pp. 117-118.

<sup>23</sup> Daisetsu teitaro Suzuki, Thiên Luận, tập hạ, bản dịch của Tuệ Sĩ, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ, tr. 481

Phân biệt thực ra vô hại, nhưng khi nó đi đôi với chấp trước và cố chấp – và cặp này không dễ gì vắng bóng trong tất cả mọi tâm thức – nên nó gây ra nạn lớn. Cho nên kinh nói: « vì có danh nên có thù trước ». Danh, gọi tên, là phân biệt, do đó nhận ra tướng dạng, và thù trước hay chấp trước hay cố chấp khởi lên từ gọi tên và nhận tướng dạng đó.

Tất đên là điều kiện để con người không phân biệt được nhà ngói với nhà tranh. Như vậy tất đên là điều kiện để con người bỏ được thói phân biệt, để con người thoát khỏi cái giàng buộc của đấng sai theo mọi tập tục, luân lý luật lệ v.v... và có vậy cá nhân con người được giải thoát với nụ cười siêu thực.

Thời của Trang Quỳnh là thời Khổng học còn thịnh, nhà nho rập theo khuôn vàng thước ngọc của Vạn Biêu Thế Sư như chép trong sách Luận Ngữ, thiên thứ hai Vi Chánh, chương thứ tư<sup>24</sup> :

三十而立；

tam thập nhi lập；

四十而不惑

tứ thập nhi bất hoặc

五十而知天命；

ngũ thập nhi tri thiên mệnh；

六十而耳順；

lục thập nhi nhĩ thuận；

七十而從心所欲，不踰矩。

thất thập nhi tông tâm sở dục, bất du củ.

Nghĩa là :

ba mươi biết tự lập；

bốn mươi chẳng nghi hoặc；

năm mươi biết mệnh trời

sáu mươi nghe gì hiểu đó；

bảy mươi theo lòng mình muốn mà không vượt qua khuôn phép.

Chu Hy giảng là :

biết tự lập là biết giữ Đạo；

không nghi ngờ là thấu rõ lẽ Đạo；

biết thiên mệnh là tuân hành Đạo；

nghe gì hiểu đó là thuận với Đạo；

tới bảy mươi mới lòng mình đồng với Đạo, nhưng không vượt quá khuôn phép Đạo.

Phải chăng nhà nho, đã vượt qua hay không vượt qua cửa Vũ, biết giữ Đạo, thấu rõ lẽ Đạo, tuân hành theo Đạo, sống thuận với Đạo, lòng đồng với Đạo trong khuôn khổ của Đạo, cũng có lúc cảm thấy khuôn vàng thước ngọc nặng như cùm vướng như xích ?

Phải chăng, những lúc đó, những truyện khôi hài đen, là một trong những cách giúp nhà nho buông bỏ phân biệt, không còn cố chấp, và đó là một nẻo giải thoát cho cá nhân nhà nho ?

Phải chăng vì vậy truyện khôi hài đen được lưu truyền và tồn tại với tiếng Việt ?

<sup>24</sup> Luận ngữ, bản dịch của Lê Phục Thiện, Văn học, Hà Nội 1992.